

Bản án số: 01 /2022/HSST
Ngày: 04/01/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hòa;

Ông Phạm Thành Đô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 95/2021/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2021/QĐXXST – HS ngày 13 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Chu Văn H, sinh năm 1993, tại tỉnh B

Nơi cư trú: Thôn x, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: T; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn T và bà Doanh Thị Đ; bị cáo có vợ và 01 người con sinh năm 2018 tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 14/8/2021, bị Công an huyện B xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/9/2021 cho đến nay.

- Bị hại: Bé Văn E, sinh năm 1959, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hà Thị Trâm A, sinh năm 1988, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Chu Văn H1, sinh năm 1991, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 20/9/2021, Chu Văn H điều khiển xe mô tô biển số 97F5-18xx mượn của anh Chu Văn H1 (là anh trai H) đi vào khu vực “Bầu Đá” thuộc thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. H vào nhà ông Bé Văn E lấy 01 bình ắc quy (hiệu Đồng Nai, loại 70Amp) mang đến tiệm điện tử “Ngọc Sơn” cùng

thôn 1, xã Đ bán cho chị Hà Thị Trâm A được 280.000 đồng. Bán xong, H tiếp tục đi vào nhà ông E lấy trộm 01 máy xịt thuốc hiệu HONDA GX160 và 01 máy phát cỏ hiệu G3K mang ra rẫy ven đường cất giấu. Cất giấu xong, khi H đang đi trên đường thì gặp ông E, ông E hỏi H có thấy ai đi xe mô tô chở máy xịt thuốc, máy phát cỏ đi ngang qua đây không, H trả lời không thấy và giả vờ đi tìm giúp ông E. H đi đến chỗ cất giấu tài sản nói cho ông E nghe “nó cất giấu ở đây nè”. Ông E đến xem, xác nhận là tài sản của mình, rồi nhờ H chở về nhà giúp. Sau đó, ông E nói với H là còn bị mất 01 bình ắc quy, H nói với ông E là biết chỗ mua bình ắc quy cũ với giá 600.000 đồng, ông E đưa 600.000 đồng cho H đi mua. Sau đó, H đến tiệm gặp chị Hà Thị Trâm A mua lại bình ắc quy với giá 280.000 đồng về đưa cho ông E, ông E nhận ra là bình ắc quy của mình, nên ông E đã làm đơn trình báo Công an xã Đ. Đến 16 giờ 30 ngày 27/9/2021, H đến Công an xã Đ đầu thú hành vi trộm tài sản của ông E.

Tại Kết luận định giá số 113 ngày 28/9/2021 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự huyện B, kết luận tại thời điểm phạm tội ngày 20/9/2021: 01 máy xịt thuốc hiệu HONDA GX160 có giá trị 3.500.000 đồng, 01 máy phát cỏ hiệu G3K có giá trị 1.800.000 đồng, 01 bình ắc quy Đồng Nai loại 70Amp có giá trị 700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 5.500.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án:

+ Xe mô tô biển số 97F5-18xx là xe của anh Chu Văn H1, H mượn đi trộm tài sản, anh H1 không biết, nên Cơ quan điều tra - Công an huyện B đã trả lại cho anh H1.

+ 01 máy xịt thuốc, 01 máy phát cỏ, 01 bình ắc quy. Cơ quan CSĐT - Công an huyện B đã trả lại cho ông Bé Văn E.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bé Văn E yêu cầu H trả lại 600.000 đồng, bị cáo chưa hoàn trả.

- Tại Cáo trạng số 100/CT –VKS.BĐ ngày 24/11/2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Chu Văn H về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Chu Văn H phạm Tội trộm cắp tài sản;

Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Đề nghị xử phạt bị cáo Chu Văn H từ 06 đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị cáo Chu Văn H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT - Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do không có tiền tiêu xài nên vào ngày 20/9/2021, Chu Văn H lén lút trộm cắp 01 máy xịt thuốc; 01 máy phát cỏ và 01 bình ắc quy của ông Bé Văn E ở thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 5.500.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Chu Văn H đã phạm Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, do bản tính lười lao động muốn có tiền tiêu xài bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo đã bị xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo chưa chấp hành Quyết định xử phạt mà còn tiếp tục phạm tội, thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2007.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo đã ra đầu thú, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo có con còn nhỏ. Đây

là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Xe mô tô biển số 97F5-18xx là xe của anh Chu Văn H1, H mượn đi trộm tài sản, anh H1 không biết, nên Cơ quan điều tra - Công an huyện B đã trả lại cho anh H1.

+ 01 máy xịt thuốc; 01 máy phát cỏ và 01 bình ắc quy. Cơ quan CSĐT - Công an huyện B đã trả lại cho ông Bé Văn E.

Các tài sản trên đã được trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo phải trả cho ông Bé Văn E số tiền 600.000 đồng.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Bị cáo có con còn nhỏ nên cần miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Chu Văn H phạm Tội trộm cắp tài sản.

* Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Chu Văn H 07 tháng tù (bảy tháng tù), thời hạn tù được tính từ ngày 27/9/2021.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên buộc bị cáo Chu Văn H phải trả cho ông Bé Văn E số tiền 600.000 đồng.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Chu Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh